

TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng : 3-4m
- * Công suất : 40W ÷ 80W
- * Nguồn LED : Inventronic,...
- * Chip LED : Lumileds,...
- * Cấp bảo vệ : IP66
- * Cấu tạo thân đèn : Nhôm đúc cao cấp
- * Cấu tạo chụp bảo vệ đèn : Nhựa Acrylic
- * Lớp bảo vệ : Sơn tĩnh điện, màu sắc kiểu dáng như hình
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole High : 3-4m
- * Power : 40W ÷ 80W
- * LED driver : Inventronic,...
- * LED Chip : Lumileds,...
- * Ingress protection : IP66
- * Light body structure : High quality die-cast aluminum
- * Structure of lamp protection cover : Acrylic plastic
- * Protective layer : Powder coated, color style as shown
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

Model - SLV810



PHẠM VI ỨNG DỤNG

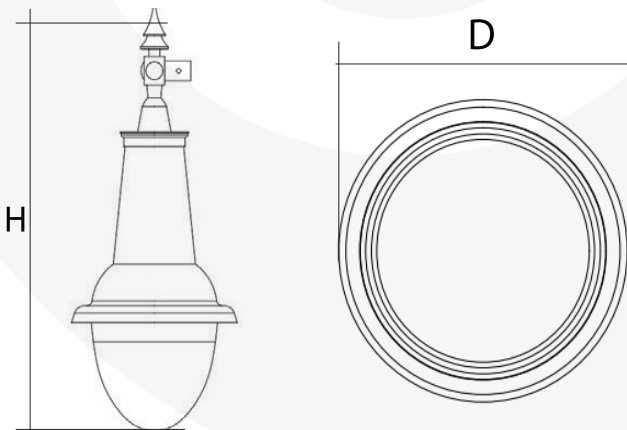
- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

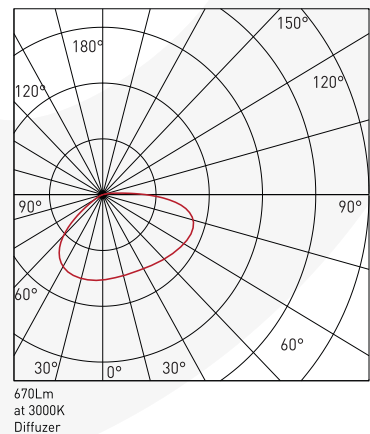
- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU

(TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV810-40w	120Lm/w	3000k-6500k	4800Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV810-60w	120Lm/w	3000k-6500k	7200Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV810-80w	120Lm/w	3000k-6500k	9600Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D620*H920	≥0,95	(-25° đến 60°)